

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SU

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Hóa học; Chuyên ngành: Hóa vô cơ

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Huỳnh Thị Miền Trung

2. Ngày tháng năm sinh: 25/05/1984; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): 104 Tố Hữu, phường Đống Đa, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Khoa Khoa học Tự nhiên, Trường Đại học Quy Nhơn, 170 An Dương Vương, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 0977964689; E-mail: huynhthimientrung@qnu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 10/2006 đến 04/2010: Giảng viên Trung tâm thí nghiệm thực hành, Trường Đại học Quy Nhơn.

Từ 04/2010 đến 05/2019: Giảng viên Khoa Hóa, Trường Đại học Quy Nhơn.

Từ 05/2019 đến 09/2020: Giảng viên Bộ môn Hóa học, Khoa Khoa học Tự nhiên, Trường Đại học Quy Nhơn.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Từ 09/2020 đến nay: Trưởng bộ môn Hóa học, Khoa Khoa học Tự nhiên, Trường Đại học
Quy Nhơn.

Ứng viên được nhà trường cử đi học tập và làm việc tại các cơ sở giáo dục khác trong các
thời gian như sau:

+ Từ 09/2007 đến 12/2009: Học thạc sĩ chuyên ngành Hóa vô cơ, Trường Đại học Khoa học
Tự nhiên Hà Nội.

+ Từ 09/2010 đến 12/2014: Nghiên cứu sinh ngành Hóa học và Khoa học phân tử, Đại học
Bern, Thụy Sĩ.

+ Từ 06/2015 đến 06/2018: Nghiên cứu sau tiến sĩ lĩnh vực Hóa học bề mặt, Đại học Leuven, Bỉ.

Chức vụ: Hiện nay: Trưởng bộ môn; Chức vụ cao nhất đã qua:

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Quy Nhơn

Địa chỉ cơ quan: 170 An Dương Vương, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại cơ quan: 025633847569

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn
nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 08 tháng 09 năm 2006; số văn bằng: C805765; ngành: Sư phạm
Hóa học, chuyên ngành:; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường
Đại học Quy Nhơn.

- Được cấp bằng ThS ngày 06 tháng 04 năm 2010; số văn bằng: QM 009541; ngành: Hóa
học; chuyên ngành: Hóa vô cơ; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Khoa
học Tự nhiên Hà Nội.

- Được cấp bằng TS ngày 05 tháng 12 năm 2014; số văn bằng:; ngành: Hóa học và
Khoa học phân tử; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học
Bern, Thụy Sĩ.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm ...; số văn bằng:; ngành:;
chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm,
ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Đại học Huế

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Hóa
học – Công nghệ thực phẩm

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu: có 02 hướng nghiên cứu chính:

- Nghiên cứu biến tính bề mặt graphene và graphite định hướng ứng dụng trong lĩnh vực điện tử nano;
- Nghiên cứu chế tạo các vật liệu điện sắc định hướng ứng dụng trong thiết bị thông minh.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn 05 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: Chủ trì 01 đề tài cấp Nhà nước (Nafosted) đã nghiệm thu;
- Đã công bố (số lượng) 38 bài báo khoa học, trong đó 18 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản: 01 sách, trong đóthuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Chứng nhận giải ba báo cáo treo (poster) tại Trường hè về Điện hóa bề mặt tại Villars-Sur-Ollon, Thụy Sĩ (08/2014).
- Bằng khen của Ban chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh đã có thành tích hướng dẫn thí sinh đạt giải nhất giải thưởng nghiên cứu khoa học Eureka lần thứ 23 (2021).

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Ứng viên luôn ý thức trong việc tu dưỡng phẩm chất, tư tưởng, đạo đức, giữ gìn uy tín, danh dự của nhà giáo, thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ công dân, điều lệ nhà trường; Trung thực, công bằng và khách quan trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học; Không ngừng học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ nhằm đáp ứng chuẩn nghề nghiệp theo vị trí việc làm; Nhiệt tình truyền đạt tri thức cho người học trong quá trình giảng dạy trên lớp, hướng dẫn khóa luận, luận văn/đề án, tôn trọng quyền và lợi ích chính đáng của người học ...; Hợp tác và chia sẻ tri thức, kinh nghiệm với đồng nghiệp; Lắng nghe phản hồi của người học, đồng nghiệp, cấp trên và các bên liên quan khác để kịp thời sửa chữa khuyết điểm, phát huy ưu điểm của bản thân trong hoạt động nghề nghiệp.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 17 năm 08 tháng.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
 - Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn
 nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2018-2019			01		74	120	194/274/229.5
2	2019-2020			01	03	112.5	120	232.5/370.5/270
3	2020-2021			03	01	82.5	96	178.5/301.5/216
03 năm học cuối								
4	2021-2022					105	96	201/231/216
5	2022-2023			02		153	48	201/370/216
6	2023-2024				01	45	126	171/256/216

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH; tại nước: Thụy Sĩ năm 2014.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thị Hồng Vân		HVCH	x		Từ 11/2017 đến 08/2018	Trường ĐH Quy Nhơn	05/10/2018
2	Huỳnh Thị Tuyết Nhung		HVCH	x		Từ 11/2018 đến 08/2019	Trường ĐH Quy Nhơn	01/11/2019
3	Hồ Anh Tám		HVCH	x		Từ 12/2019 đến 08/2020	Trường ĐH Quy Nhơn	16/11/2020
4	Hoàng Văn Tĩnh		HVCH	x		Từ 12/2020 đến 08/2021	Trường ĐH Quy Nhơn	31/12/2021
5	Nguyễn Duy Điền		HVCH	x		Từ 04/2023 đến 09/2023	Trường ĐH Quy Nhơn	01/02/2024

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1	Kỹ thuật lấy mẫu, xử lý và bảo quản mẫu (Giáo trình dành cho ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học và ngành Hóa học)	GT	Nhà xuất bản Bách khoa Hà Nội, năm 2022, ISBN: 978-604-316-660-6	6	Nguyễn Thị Liễu	52 - 86	Quyết định số 3372/QĐ-ĐHQN ngày 15/12/2021 về việc cho phép sử dụng và lưu hành nội bộ giáo trình giáo dục đại học

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: []: Không

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
1					
2					
...					
II	Sau khi được công nhận PGS/TS				
1	Nghiên cứu chế tạo hệ vật liệu màng đơn lớp phân tử hữu cơ trên nền graphene bằng phương pháp điện hóa nhằm định hướng ứng dụng trong thiết bị điện tử kích thước nano	CN	Mã số: 104.05-2019.52; Cấp nhà nước (Nafosted)	2019 - 2022	Nghiệm thu ngày: 09/10/2022; Xếp loại: Đạt
2	Biến tính bề mặt MoS ₂ và graphene bằng màng đơn lớp phân tử hữu cơ nhằm ứng dụng làm vật liệu điện tử nano	TK	Mã số: 103.99-2020.65; Cấp nhà nước (Nafosted)	2020 - 2023	Nghiệm thu ngày: 04/11/2023; Xếp loại: Đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tạp, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS							

1	Nghiên cứu khả năng tách các kim loại kiềm thổ từ các nguyên tố đất hiếm dựa trên phương pháp thăng hoa từ các phức chất của chúng với acetylaceton và o-phenanthrolin	2		Tạp chí phân tích Lý, Hóa và Sinh học/ ISSN: 0868-3224			15 (2) 31 - 37	2010
2	Nghiên cứu chế tạo màng mỏng oxit Er ₂ O ₃ bằng phương pháp MOCVD từ tiền chất Er(acac) ₃ .phen	2		Tạp chí Hóa học/ISSN: 0866-7144			49 (3), 278 - 281	2011
3	Adsorption behavior of redox-active suppressor additives: Combined electrochemical and STM studies	5		Electrochimica Acta/ISSN: 0013-4686	SCI (IF = 3.83, Q1)	19	56, 7361 - 7370	2011
4	Competitive anion/anion interactions on copper surfaces relevant for Damascene electroplating	8		Electrochimica Acta/ISSN: 0013-4686	SCI (IF = 4.11, Q1)	60	70, 286 - 295	2012
5	Competitive anion/water and cation/water interactions at electrified copper/electrolyte interfaces probed by in situ X-ray diffraction	5		Journal of Physical Chemistry C/ ISSN: 1932-7455	SCI (IF = 4.81, Q1)	30	116 (20) 11068 - 11076	2012
6	On the role of halides and thiols in additive-assisted copper electroplating	10	x	Electrochimica Acta/ISSN: 0013-4686	SCI (IF = 4.11, Q1)	52	89, 537 - 548	2013
7	Quasi-reversible interaction of MPS and chloride on Cu(100) studied by in situ STM	3	x	Journal of the Electrochemical Society, ISSN: 1945-7111	SCI (IF = 3.25, Q1)	35	160 (12), D3063-D3069	2013
8	Polyvinylpyrrolidones (P1VPs): Switchable leveler additives for Damascene applications	13		Journal of the Electrochemical Society, ISSN: 1945-7111	SCI (IF = 3.25, Q1)	27	160 (12), D3116-D3125	2013
9	From in-situ towards in operando conditions: scanning tunneling microscopy study of hydrogen intercalation in cu(111) during hydrogen evolution	2	x	ChemElectro-Chem, ISSN: 2196-0216	SCI (IF = 4.56, Q1)	22	1, 1271 - 1274	2014

II		Sau khi được công nhận PGS/TS						
10	Liquid nickel salts: Synthesis, crystal structure determination and electrochemical synthesis of nickel nanoparticles	11		Chemistry - A European Journal/ISSN: 1521-3765	SCI (IF = 5.77, Q1)	19	22 (3), 1010 - 1020	2016
11	Nanoconfined self-assembly on a grafted graphitic surface under electrochemical control	5	x	Nanoscale/ISSN: 2040-3372	SCI (IF = 7.23, Q1)	12	9, 362 - 368	2017
12	Self-assembly of a porphyrin derivative on Cu(111) surface under electrochemical control	6		Proceedings: The 6th Asian Symposium on Advanced Materials			VPS-48, 549 - 554	2017
13	In-situ STM studies of order arrays of porphyrin molecules on bromide modified Cu(111) under electrochemical control	6	x	Proceedings: The 9th International workshop on Advanced Materials Science and Nanotechnology			MEP-P13	2018
14	Nghiên cứu tính chất bề mặt và khả năng khử oxi của màng đơn lớp porphyrin trên điện cực đơn tinh thể Cu	7	x	Proceedings: Vietnam – UK Researcher Link workshop; Tạp chí Xúc tác và Hấp phụ Việt Nam/ISSN: 0866-7411			8 (1) 41 - 46	2019
15	Graphite and graphene fairy circles: A bottom up approach for the formation of nanocorrals	14		ACS Nano/ISSN: 1936-086X	SCI (IF =14.59, Q1)	32	13 (5) 5559 - 5571	2019
16	Nghiên cứu tính chất và khả năng khử O ₂ của hệ màng đơn lớp hai cấu tử porphyrin trên bề mặt đơn tinh thể Cu(100)	5	x	Proceedings: Hội nghị Xúc tác và hấp phụ lần thứ 10; Tạp chí Xúc tác và Hấp phụ Việt Nam/ ISSN: 0866-7411			8 (3), 53 - 57	2019
17	Self-assembly of porphyrin molecules on a Cu(111) electrode: Influence of different anions and electrode potential	4	x	Surface Science/ISSN 0039-6028	SCI (IF = 1.85, Q2)	2	694, 121554-121564	2020

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

18	Biến tính bề mặt vật liệu graphite bởi phân tử diazonium bằng phương pháp cấy ghép điện hóa	5	x	Tạp chí Xúc tác và Hấp phụ Việt Nam/ ISSN: 0866-7411			9 (2), 125 - 129	2020
19	Nghiên cứu cấu trúc tinh thể của hợp chất N,N-diethylbenzamidin chứa hợp phần L-alanin methyl este bằng phương pháp nhiễu xạ tia X đơn tinh thể	4	x	Tạp chí Hóa học/ ISSN: 0866-7144			58, 5E _{1, 2} , 211 - 215	2020
20	Chế tạo màng phân tử diazonium trên nền graphene bằng phương pháp cấy ghép điện hóa	6	x	Kỷ yếu: Hội nghị vật lý Thừa thiên Huế 2021, Nhà xuất bản Đại học Huế/ ISBN: 978-604-974-905-6			226 - 231	2021
21	Nghiên cứu biến tính bề mặt graphite bởi các phân tử diazonium bằng phương pháp điện hóa	5	x	Tạp chí Xúc tác và Hấp phụ Việt Nam/ ISSN: 0866-7411			11 (1), 43 - 47	2022
22	Doping of graphene via adlayer formation of electrochemically reduced dibenzyl viologen	5	x	Journal of Materials Chemistry C/ ISSN: 2020-7534	SCI (IF = 8.07, Q1)	1	10, 2696 - 2702	2022
23	Biến tính bề mặt vật liệu graphite bởi màng phân tử dibenzyl viologen bằng phương pháp điện hóa	5	x	Tạp chí Xúc tác và Hấp phụ Việt Nam/ ISSN: 0866-7411			10 (1), 14 - 17	2021
24	Surface engineering of graphite and graphene by viologen self-assembling: from global to local architectures	3	x	Journal of Physical Chemistry C/ ISSN: 1932-7455	SCI (IF = 3.70, Q1)	2	126 (14), 6413 - 6419	2022
25	Tuning the morphological and electrical properties of graphite surface by self-assembled viologen nanostructures	3	x	Surface Science/ ISSN: 0039-6028	SCI (IF = 1.90, Q2)	1	723, 122122-122128	2022
26	Vai trò của thế điện cực đối với sự hấp phụ của các phân tử dibenzyl viologen trên bề mặt HOPG	2	x	Tạp chí Xúc tác và Hấp phụ Việt Nam/ ISSN: 0866-7411			12 (1), 54 - 59	2023

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

27	Nghiên cứu chế tạo hệ vật liệu đơn lớp phân tử diazonium trên nền graphite bằng phương pháp cấy ghép điện hóa	7		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam/ ISSN: 2615-9929			64 (11), 44 - 47	2022
28	Reversible tuning of surface properties of graphene-like material via covalently functionalized hydrophobic layer	4	x	Crystals/ISSN: 2073-4352	SCIE (IF = 2,40, Q2)		13, 635 - 645	2023
29	Nghiên cứu tổng hợp và khảo sát khả năng khử điện hóa CO ₂ của các vật liệu nano Cu	2	x	Tạp chí Xúc tác và Hấp phụ Việt Nam/ ISSN: 0866-7411			12 (2), 15 - 19	2023
30	Tổng hợp hệ vật liệu màng đơn lớp 3,4,5-trimethoxybenzenediazonium trên nền graphite bằng phương pháp điện hóa	5	x	Tạp chí Xúc tác và Hấp phụ Việt Nam/ISSN: 0866-7411			12 (2), 61 - 64	2023
31	Nghiên cứu vai trò của dung môi đối với tính chất quang điện hóa của dibenzyl viologen trên nền điện cực ITO	8	x	Tạp chí Hóa học và ứng dụng/ ISSN: 1859-4069			2 (65), 74 - 77	2023
32	Tính chất quang điện hóa của vật liệu viologen trong môi trường acid	9	x	Tạp chí phân tích Lý, Hóa và Sinh học/ISSN: 0868-3224			29 (2), 90 - 93	2023
33	On the role of functional groups in the formation of diazonium based covalent attachments: dendritic vs. layer-by-layer growth	4	x	RSC Advances/ ISSN: 2046-2069	SCI (IF = 3.90, Q2)		13, 24576 - 24582	2023
34	Functionalization of graphenic surfaces by integrated self-assembled organic layer and diazonium chemistry	3	x	The Proceedings of The 4 th International Workshop on Advanced Materials and Devices – IWAMD 2023, Thái Nguyên			EMD-O17, 108 - 112	2023
35	Biến tính bề mặt vật liệu MoS ₂ bởi màng phân tử 4-	4	x	Kỷ yếu Hội nghị Vật lý Miền Trung năm 2023,			43 - 48	2023

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	cacboxyphenyl diazonium bằng phương pháp điện hóa			Nhà xuất bản đại học Huế/ISBN: 978-604-974-905-6				
36	Engineering the surface chemistry of graphite and graphene by covalently anchored triazole derivative	3	x	Journal of the Electrochemical Society/ISSN: 1945-7111	SCI (IF = 3.90, Q1)		170, 106510-106510	2023
37	Covalent Molecular Anchoring of Metal-Free Porphyrin on Graphitic Surfaces toward Improved Electrocatalytic Activities in Acidic Medium	2	x	Coatings Journal/ISSN: 2079-6412	SCIE (IF = 3.40, Q2)		14 (6), 745 - 760	2024
38	Nghiên cứu tính chất điện hóa, cấu trúc và khả năng xúc tác khử điện hóa oxygen của vật liệu Fe-Porphyrin trên bề mặt HOPG	3	x	Tạp chí Xúc tác và Hấp phụ Việt Nam/ ISSN: 0866-7411			13 (2) 84-88	2024

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 09 bài (có số thứ tự: 11, 17, 22, 24, 25, 28, 33, 36, 37).

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng ứng dụng ngành Hóa vô cơ	Chủ trì	- Thông báo số 202/TB-ĐHQN ngày 10/03/2021 về Kết luận của Hiệu trưởng tại cuộc họp về đào tạo trình độ thạc sĩ; - Bảng kê Thực hiện nhiệm vụ xây dựng, bổ sung, chỉnh sửa các Chương trình đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ (ngày 26/12/2023).	Trường ĐH Quy Nhơn	Quyết định số 3197/QĐ-ĐHQN ngày 03/12/2021 về việc ban hành Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng ứng dụng, ngành Hóa vô cơ; mã số 8440113	
2	Chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng ứng dụng ngành Hóa lý thuyết và Hóa lý	Tham gia		Trường ĐH Quy Nhơn	Quyết định số 3198/QĐ-ĐHQN ngày 03/12/2021 về việc ban hành Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng ứng dụng, ngành Hóa lý thuyết và Hóa lý; mã số: 8440119.	

3	Chương trình đào tạo tiến sĩ ngành Hóa lý thuyết và Hóa lý	Thư ký	- Kế hoạch số 2880/KH-ĐHQN ngày 31/12/2022 về việc Rà soát, đánh giá và cải tiến Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ; - Bảng kê Thực hiện nhiệm vụ xây dựng, bổ sung, chỉnh sửa các Chương trình đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ (ngày 26/12/2023).	Trường ĐH Quy Nhơn	Quyết định số 2017/QĐ-ĐHQN ngày 31/07/2023 về việc ban hành Chương trình đào tạo (sửa đổi, bổ sung) trình độ tiến sĩ ngành Hóa lý thuyết và Hóa lý; mã ngành 9440119.	
4	Chương trình đào tạo đại học chuyên ngành Hóa học, chuyên ngành Hóa dược và Hóa mỹ phẩm	Chủ trì	Quyết định số 105/QĐ-ĐHQN ngày 09/01/2024 về việc thành lập Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo chuyên ngành Hóa dược và Hóa mỹ phẩm	Trường ĐH Quy Nhơn	Quyết định số 2010//QĐ-ĐHQN ngày 20/06/2024 về việc ban hành Chương trình đào tạo ngành Hóa học - chuyên ngành Hóa dược, Hóa mỹ phẩm và ngành Kỹ thuật điện tử - Viễn Thông - chuyên ngành Thiết kế vi mạch trình độ đại học chính quy	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng

ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....
- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....
- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Bình Định, ngày 24 tháng 06 năm 2024

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Huỳnh Thị Miên Trung